

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 908 /QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 17 tháng 6 năm 2010

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội  
huyện Trấn Yên thời kỳ 2011 - 2020

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKH ngày 07/02/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2007 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ; Thông tư số 03/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 18/8/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Trấn Yên thời kỳ 2011 - 2020;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên tại Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 05/3/2010 và đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 65/TTr-SKHĐT ngày 10/5/2010 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Trấn Yên thời kỳ 2011 - 2020,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Trấn Yên thời kỳ 2011 - 2020 với các nội dung chủ yếu như sau:

#### 1. Quan điểm và định hướng phát triển

- Phát triển kinh tế - xã hội của huyện phải đặt trong bối cảnh sau chia tách địa giới hành chính, huyện Trấn Yên còn 22 xã, thị trấn; cơ cấu kinh tế chủ yếu là

sản xuất nông lâm nghiệp, sản xuất công nghiệp nhỏ bé chủ yếu là công nghiệp chế biến nông lâm sản, quy mô nhỏ lẻ, phân tán, công nghệ thô sơ lạc hậu.

- Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội phải khai thác được tiềm năng thế mạnh của huyện, phải gắn với sự phát triển về không gian đô thị của thành phố Yên Bái, khai thác được lợi thế gần trung tâm tỉnh lỵ.

- Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, sản xuất theo cơ chế thị trường. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái; đảm bảo an sinh và công bằng xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

- Phát triển kinh tế - xã hội phải gắn với thực hiện công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn, xây dựng nông thôn mới theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X.

## **2. Mục tiêu tổng quát**

Phấn đấu đến năm 2020 Trấn Yên trở thành huyện phát triển toàn diện. Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, tạo sự chuyển biến về chất lượng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và nâng cao trình độ công nghệ trong các ngành sản xuất. Phát triển kinh tế xã hội gắn với bảo vệ môi trường sinh thái. Nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng nguồn nhân lực. Phát huy tối đa nội lực, tranh thủ các yếu tố bên ngoài. Xây dựng kết cấu hạ tầng đảm bảo cho yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Từng bước nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân. Tiếp tục thực hiện xoá đói giảm nghèo cho nhân dân, tạo việc làm cho người lao động. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

## **3. Một số chỉ tiêu chủ yếu**

### **3.1. Chỉ tiêu về kinh tế:**

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2011 - 2015 đạt 14,5%; thời kỳ 2016 - 2020 đạt 15,0%. Trong đó:

+ Ngành Nông, lâm nghiệp tăng bình quân thời kỳ 2011 - 2015 đạt 6,9%; thời kỳ 2016 - 2020 đạt 5,9%.

+ Ngành Công nghiệp, Xây dựng tăng bình quân thời kỳ 2011 - 2015 đạt 19,6%; thời kỳ 2016 - 2020 đạt 18,4%.

+ Ngành Dịch vụ tăng bình quân thời kỳ 2011 - 2015 đạt 16,2%; thời kỳ 2016 - 2020 đạt 16,4%.

- Cơ cấu kinh tế: Nông lâm nghiệp - Công nghiệp, Xây dựng - Dịch vụ năm 2015 là 34% - 40% - 26%; năm 2020 là 27% - 45% - 28%.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2015 đạt 19 triệu đồng và năm 2020 đạt 38 triệu đồng.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2015 đạt 32.430 tấn; năm 2020 đạt 34.430 tấn.

- Diện tích chè năm 2015 đạt 2.150 ha, năm 2020 đạt 2.100 ha. Sản lượng chè năm 2015 đạt 16.900 tấn, năm 2020 đạt 18.900 tấn.

- Giá trị sản xuất công nghiệp (giá CĐ 94) năm 2015 đạt 332 tỷ đồng, năm 2020 đạt 671 tỷ đồng.

- Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ trên thị trường năm 2015 là 820 tỷ đồng, năm 2020 đạt 1.730 tỷ đồng.

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2015 đạt 4,1 triệu USD, năm 2020 đạt 7,8 triệu USD.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2015 đạt 47,5 tỷ đồng, năm 2020 đạt 132 tỷ đồng.

- Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn thời kỳ 2011 - 2015 đạt 2.851 tỷ đồng, thời kỳ 2016 - 2020 đạt 7.066 tỷ đồng.

### **3.2. Chỉ tiêu về xã hội**

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2015 giảm còn 1% và duy trì ổn định đến năm 2020.

- Bình quân mỗi năm thời kỳ 2011 - 2020 tạo việc làm mới cho 2.500 - 3.000 lao động.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2015 đạt 35%, năm 2020 đạt 45%.

- Tỷ lệ hộ nghèo bình quân mỗi năm giảm 4% (theo chuẩn từng thời kỳ).

- Duy trì 100% xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Từng bước phổ cập giáo dục trung học cơ sở đúng độ tuổi.

- Số trường đạt chuẩn quốc gia năm 2015 là 28 trường, năm 2020 là 60 trường.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng năm 2015 giảm còn 15%, năm 2020 giảm còn 12%.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng mở rộng năm 2015 đạt 99,5%, năm 2020 đạt 99,7%.

- Tỷ lệ xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế năm 2015 đạt 100%.

- Mật độ điện thoại/100 dân năm 2015 đạt 23,5 máy, năm 2020 đạt 25 máy.

- Tỷ lệ phủ sóng phát thanh và truyền hình trên địa bàn dân cư năm 2015 đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ được xem Truyền hình Việt Nam và nghe Đài tiếng nói Việt Nam năm 2015 đạt 95%, năm 2020 đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ gia đình văn hoá năm 2015 đạt 95% và duy trì ổn định đến năm 2020. Tỷ lệ cơ quan đơn vị văn hoá năm 2015 đạt 100%.

- Số xã được công nhận xã văn hoá năm 2015 là 8 xã, năm 2020 là 12 xã.
- Tỷ lệ thôn, bản được công nhận thôn, bản văn hoá năm 2015 đạt 87%, năm 2020 đạt 91%.
- Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới thời kỳ 2011 - 2015 là 4 xã, thời kỳ 2016 - 2020 là 6 xã.

### **3.3. Chỉ tiêu về môi trường**

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2015 là 68% và duy trì đến năm 2020.
- Tỷ lệ hộ dân thành thị được sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2015 đạt 100%; Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2015 đạt 83,8%, năm 2020 đạt 86,3%.
- Tỷ lệ hộ gia đình có công trình vệ sinh đủ tiêu chuẩn năm 2015 đạt 60%, năm 2020 đạt 75%.

## **4. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực**

### **4.1. Nông lâm nghiệp**

- Đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn sản xuất với thị trường và tiêu thụ sản phẩm ổn định; tăng thu nhập trên đơn vị diện tích đất canh tác, nâng cao đời sống nhân dân và đáp ứng nguyên liệu cho phát triển công nghiệp chế biến.
- Hoàn thành việc giao đất giao rừng, khuyến khích phát triển kinh tế hộ theo hướng trang trại, kinh tế hợp tác gắn với dịch vụ chế biến, tiêu thụ sản phẩm.
- Đầu tư nâng cấp hạ tầng nông nghiệp, nông thôn theo hướng xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển ngành nghề, giải quyết tốt lao động dư thừa trong nông nghiệp. Đào tạo nghề cho nông dân để nâng cao năng suất, chất lượng lao động, tạo nguồn nhân lực cho xuất khẩu lao động và cho các cơ sở công nghiệp.

### **4.2. Công nghiệp**

- Tập trung mọi nguồn lực để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Từng bước đưa sản xuất công nghiệp trở thành ngành kinh tế chủ đạo, chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế của huyện.
- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Chú trọng đầu tư vào một số lĩnh vực có thế mạnh của huyện như: chế biến nông lâm sản, khai thác chế biến khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Tập trung đầu tư xây dựng 3 cụm công nghiệp theo quy hoạch, gắn với phát triển dịch vụ và đô thị; đồng thời mở rộng các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo quy mô sản xuất vừa và nhỏ.

- Coi trọng việc đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng các sản phẩm công nghiệp, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm đảm bảo đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

#### **4.3. Dịch vụ**

- Tiếp tục phát triển mạnh thương mại, đảm bảo hàng hoá lưu thông thông suốt, nhất là các mặt hàng chính sách xã hội. Mở rộng các loại thị trường, cả thị trường nông thôn và vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc với các hình thức kinh doanh đa dạng và quy mô phù hợp với từng vùng. Tăng cường công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu và gian lận thương mại, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, bảo vệ lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng.

- Đầu tư khai thác các tiềm năng du lịch sẵn có, đặc biệt là Khu du lịch Chiến khu Văn Hội, Việt Hồng; trùng tu và bảo tồn các di sản văn hoá tín ngưỡng như Đình làng Dọc, Đền Hoà Công, Chùa Linh Thông, các khu di tích lịch sử văn hoá gắn với du lịch về cội nguồn và khai thác tiềm năng du lịch sinh thái.

- Phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ tín dụng, ngân hàng, vận tải, bưu chính viễn thông, khoa học công nghệ, cung ứng vật tư nông nghiệp và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

#### **4.4. Văn hóa - xã hội**

- Tập trung giải quyết việc làm cho người lao động. Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của huyện. Chú trọng công tác đào tạo nghề cho người lao động. Tiếp tục thực hiện các mục tiêu xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân.

- Tập trung nâng cao chất lượng hiệu quả giáo dục đào tạo, đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục. Tổ chức xây dựng hoàn thiện hệ thống trường lớp, chú trọng phát triển mạng lưới trường mầm non. Hoàn thiện việc sắp xếp lại đội ngũ giáo viên, đảm bảo đủ về cơ cấu, số lượng và chuẩn hoá ở tất cả các ngành học, bậc học. Tăng cường đào tạo chuẩn hoá đội ngũ giáo viên, ưu tiên phát triển giáo dục ở các xã đặc biệt khó khăn, các xã nghèo, vùng sâu, vùng xa. Vận động nhân dân tham gia các hình thức giáo dục thường xuyên.

- Đẩy mạnh công tác y tế dự phòng, lây phòng bệnh là chính. Thực hiện tốt công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân, quan tâm chăm sóc sức khoẻ cho các đối tượng chính sách và nhân dân các xã vùng sâu, vùng xa. Nâng cao chất lượng và đa dạng hoá các hình thức khám chữa bệnh, đảm bảo chính sách bảo hiểm y tế, kết hợp tốt y học hiện đại và y học cổ truyền. Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của mạng lưới y tế cơ sở và công tác xã hội hoá chăm sóc sức khoẻ nhân dân.

- Phát huy, phát triển nền văn hoá của huyện trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá hiện đại gắn với giữ gìn bản sắc văn hoá của các dân tộc trong huyện. Nâng cao chất lượng về nội dung, giá trị nghệ thuật của các hoạt động văn hoá nghệ thuật, đẩy mạnh phong trào văn hoá quần chúng.

- Thực hiện mục tiêu xã hội hoá về thể dục thể thao, động viên toàn dân tham gia rèn luyện sức khoẻ, xây dựng các đội thể thao mũi nhọn làm nòng cốt cho phong trào như: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông.

## **5. Phát triển kết cấu hạ tầng**

### **5.1. Giao thông:**

a) Thời kỳ 2011 - 2015:

- Nâng cấp và mở mới một số tuyến đường nội thị thị trấn Cổ Phúc theo quy hoạch mở rộng thị trấn, hoàn chỉnh hàng lang vỉa hè 100% đường nội thị hiện có.

- Mở mới một số tuyến đường nhánh theo quy hoạch thị tứ Hưng Khánh, thị tứ Báo Đáp.

- Cứng hoá 100% số km đường huyện và đường liên xã hiện có.

- Cứng hoá 35% số km đường đến các thôn, bản hiện có.

- Mở rộng nền đường 30% số km đường ra khu vực sản xuất hiện có.

- Xây dựng cầu Cổ Phúc - Y Can vượt sông Hồng.

b) Thời kỳ 2016 - 2020:

- Hoàn thiện hệ thống giao thông theo tiêu chuẩn đô thị đường nội thị thị trấn Cổ Phúc.

- Mở mới đường liên xã Cường Thịnh - Cổ Phúc - Quốc lộ 32C.

- Cứng hoá 70% số km đường đến các thôn, bản hiện có.

- Mở rộng nền đường 75% số km đường ra khu vực sản xuất hiện có.

### **5.2. Hệ thống điện**

a) Thời kỳ 2011 - 2015:

- Phần đầu đến năm 2015 có 100% số hộ trên địa bàn huyện được sử dụng điện lưới quốc gia với chất lượng tốt.

- Xây dựng mới 35 km đường dây trung áp, 80 km đường dây 0,4 KV, 56 trạm biến áp.

- Cải tạo, nâng cấp 21 km đường dây trung áp, 84 km đường dây 0,4 KV, 14 trạm biến áp.

- Khuyến khích các nhà đầu tư đầu tư xây dựng các công trình thủy điện theo quy hoạch.

b) Thời kỳ 2016 - 2020:

Duy trì và cải tạo hệ thống điện, mở rộng mạng lưới điện theo nhu cầu thực tế.

### **5.3. Hệ thống thủy lợi, nước sinh hoạt**

a) Thời kỳ 2011 - 2015:

Xây dựng mới và nâng cấp một số công trình thuỷ lợi. Phần đầu có 76% số km kênh mương nội đồng được kiên cố hóa. Sửa chữa và xây dựng mới một số công trình cấp nước theo quy hoạch.

b) Thời kỳ 2016 - 2020:

Tiếp tục sửa chữa và nâng cấp các công trình thuỷ lợi. Phần đầu 100% số km kênh mương nội đồng được kiên cố hoá. Tiếp tục sửa chữa và xây dựng mới một số công trình cấp nước theo quy hoạch.

#### **5.4. Cơ sở vật chất ngành y tế**

Từng bước đầu tư kiên cố hoá các trạm y tế xã đang bị xuống cấp hư hỏng, cải tạo bổ sung nhà làm việc cho các trạm y tế xã. Phần đầu đến năm 2015 xây dựng hoàn thiện Trung tâm y tế huyện, 2 phòng khám đa khoa khu vực Việt Cường và Hưng Khánh, 5 trạm y tế xã; cải tạo nhà làm việc 3 trạm y tế xã. Thời kỳ 2016 - 2020 đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các cơ sở y tế theo nhu cầu xã hội hóa, đồng thời tăng cường trang, thiết bị khám chữa bệnh cho các cơ sở y tế từ huyện tới xã.

#### **5.5. Cơ sở vật chất ngành giáo dục**

a) Thời kỳ 2011 - 2015:

Đầu tư xây dựng các phòng học, nâng tỷ lệ phòng học kiên cố lên 100%, xây dựng nhà công vụ giáo viên, nhà ở học sinh bán trú, các phòng chức năng, phòng hành chính. Hoàn thiện cơ sở vật chất cho 28 trường chuẩn quốc gia. Xây dựng hệ thống trường học theo hướng xã hội hoá.

b) Thời kỳ 2016 - 2020:

Hoàn thiện cơ sở vật chất cho 60 trường chuẩn quốc gia. Đầu tư xây dựng mới trường học theo nhu cầu phát triển.

#### **5.6. Cơ sở vật chất ngành văn hoá, thể thao**

a) Thời kỳ 2011 - 2015:

Đầu tư xây dựng Trung tâm văn hoá huyện. Đầu tư xây dựng 33 nhà văn hoá thôn, bản. Tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hoá đạt 100%; tỷ lệ xã, thị trấn có sân thể thao đạt 72,7%; tỷ lệ xã, thị trấn có bia tường niêm đạt 100%. Xây dựng 4 cụm sân thể thao, hoàn thiện Sân vận động và Công viên trung tâm huyện.

b) Thời kỳ 2016 - 2020:

Tiếp tục xây dựng hoàn thiện các thiết chế văn hoá, thể thao.

#### **5.7. Hệ thống chợ, cửa hàng bán lẻ xăng dầu**

a) Thời kỳ 2011 - 2015:

- Đầu tư xây dựng mới 7 chợ nông thôn (Việt Cường, Việt Hồng, Bảo Hưng, Y Can, Minh Tiến, Hoà Công, Hưng Thịnh 2). Nâng cấp 2 chợ trung tâm thị tứ Báo Đáp, Hưng Khánh; 2 chợ trung tâm cụm xã Kiên Thành, Tân Đồng; 2 chợ nông thôn Minh Quân, Hưng Thịnh 1.

- Xây dựng hệ thống bán lẻ xăng dầu theo quy hoạch.

b) Thời kỳ 2016 - 2020:

Mở rộng Chợ trung tâm thị trấn Cổ Phúc.

### **5.8. Xây dựng trụ sở xã và nhà làm việc các cơ quan**

Đầu tư xây dựng 5 trụ sở xã. Đến năm 2015 tỷ lệ xã, thị trấn có trụ sở kiên cố đạt 100%; 100% cơ quan, đơn vị có trụ sở làm việc kiên cố theo tiêu chuẩn.

### **6. Phát triển đô thị**

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thị trấn Cổ Phúc theo quy hoạch, đảm bảo các tiêu chí đô thị loại IV thời kỳ 2016 - 2020.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các thị tứ Báo Đáp, Hưng Khánh đảm bảo các tiêu chí của đô thị loại V thời kỳ 2016 - 2020.

- Tiếp tục đầu tư các hạng mục công trình của 3 trung tâm cụm xã Tân Đông, Vân Hội, Kiên Thành theo đề án được duyệt.

### **7. Phát triển vùng lãnh thổ**

- Vùng phía Bắc, gồm các xã Tân Đông, Báo Đáp, Đào Thịnh, trong đó Báo Đáp là trung tâm của vùng: Phát triển cây lương thực, cây chè, trồng rừng, chế biến nông lâm sản, khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng.

- Vùng phía Đông, gồm thị trấn Cổ Phúc, các xã Việt Thành, Hoà Công, Minh Quán, Nga Quán và Cường Thịnh, trong đó thị trấn Cổ Phúc là trung tâm kinh tế, chính trị của huyện và trung tâm phát triển của vùng: Phát triển cây lương thực, chăn nuôi, trồng rừng, chế biến nông lâm sản và dịch vụ.

- Vùng phía Tây, gồm các xã Hưng Khánh, Hồng Ca, Hưng Thịnh, Lương Thịnh, trong đó Hưng Khánh là trung tâm của vùng: Phát triển cây lương thực, cây chè, trồng rừng, chế biến nông lâm sản, chế biến khoáng sản.

- Vùng phía Nam, gồm các xã Việt Cường, Vân Hội, Việt Hồng, trong đó Vân Hội là trung tâm của vùng: Phát triển cây lương thực, cây chè, trồng rừng, chế biến nông lâm sản, du lịch sinh thái.

- Vùng phía Tây Bắc, gồm các xã Y Can, Minh Tiến, Quy Mông, Kiên Thành, trong đó Y Can là trung tâm của vùng: Phát triển cây lương thực, cây tre măng Bát Độ, trồng rừng, chế biến nông lâm sản, khoáng sản.

### **8. Phát triển các cụm công nghiệp**

Thời kỳ 2011 - 2015, dự kiến đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp theo quy hoạch. Khuyến khích các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất kinh doanh tại các cụm công nghiệp. Trong đó:

- Cụm công nghiệp Báo Đáp, tập trung phát triển các ngành nghề: chế biến chè, chế biến gỗ rừng trồng, chế biến các nguyên liệu từ quế, sửa chữa cơ khí nhỏ,...

- Cụm công nghiệp Hưng Khánh, tập trung phát triển các ngành nghề: chế biến chè, chế biến gỗ rừng trồng, chế biến tinh dầu quế, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến bột giấy,...



- Cụm công nghiệp Y Can, tập trung phát triển các ngành nghề: chế biến gỗ rừng trồng, trung cất tinh dầu quế, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác chế biến khoáng sản,...

## **9. Giải pháp thực hiện**

### **9.1. Nhóm giải pháp chung**

#### **a) Về vốn đầu tư:**

Chủ động phát huy nội lực, đồng thời huy động các nguồn vốn từ bên ngoài để đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. Nhu cầu vốn đầu tư để thực hiện quy hoạch trong 10 năm 2011 - 2020 khoảng 9.917 tỷ đồng, trong đó: vốn ngân sách Nhà nước chiếm 55%, vốn tín dụng 10%, vốn doanh nghiệp 5%, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 5% và vốn huy động trong dân 25%. Tỷ lệ đầu tư vào các ngành, lĩnh vực như sau: Nông lâm nghiệp 15%, Công nghiệp 17%, Xây dựng 3%, Giao thông, bưu điện, thông tin liên lạc 22%, Thương mại du lịch 5%, Văn hoá thông tin 5%, Giáo dục đào tạo 5%, Y tế cứu trợ 5%, Quản lý nhà nước - An ninh quốc phòng 7%, các ngành khác 16%.

#### **b) Về thị trường:**

Tăng cường nghiên cứu khai thác thị trường tại chỗ cũng như vươn ra thị trường trong nước và nước ngoài. Tổ chức đào tạo, hỗ trợ, thu hút những cán bộ có khả năng tiếp cận và chiếm lĩnh thị trường, mở rộng khả năng tiếp thị, quảng bá sản phẩm, đồng thời chủ động phát triển sản xuất tạo ra sản lượng sản phẩm lớn có chất lượng, đủ ưu thế cạnh tranh trên thị trường.

#### **c) Về nguồn nhân lực:**

Mở rộng các loại hình đào tạo, đặc biệt chú trọng khâu đào tạo đội ngũ cán bộ kế cận tại địa phương nhằm tăng cường đội ngũ cán bộ chủ chốt có đủ trình độ, kinh nghiệm điều hành kinh tế - xã hội của huyện phát triển nhanh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Tăng cường đội ngũ cán bộ thực thi nhiệm vụ tại cơ sở, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật: khuyến nông, khuyến lâm, các chuyên gia và thợ bậc cao đảm nhiệm được những mục tiêu phát triển theo từng ngành và lĩnh vực.

#### **d) Về khoa học công nghệ và môi trường:**

Tăng cường áp dụng những thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống. Xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu có quy mô phù hợp. Khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh đổi mới công nghệ, thiết bị hiện đại. Thực hiện nghiêm việc xử lý chất thải theo quy định.

### **9.2. Nhóm giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực**

#### **a) Giải pháp phát triển sản xuất nông lâm nghiệp:**

- Khai thác tối đa, hợp lý diện tích đất có thể trồng lúa nước, cây màu, cây thực phẩm, cây công nghiệp, cây lâm nghiệp.

- Đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các công trình thuỷ lợi, từng bước kiên cố hoá 100% km kênh mương nội đồng, nâng hiệu ích tưới cho việc thâm canh và tăng vụ trên đất 2 vụ lúa.

- Nâng cao chất lượng nhận khoán khoanh nuôi và bảo vệ rừng, tích cực trồng rừng tập trung và cây phân tán. Khai thác rừng hợp lý theo thiết kế, kế hoạch, đảm bảo giữ vững môi trường sinh thái.

- Áp dụng rộng rãi các tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống, chuyển đổi mạnh cơ cấu cây trồng vật nuôi, tăng năng suất, chất lượng các sản phẩm nông lâm nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn.

- Tăng cường đào tạo và đưa đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư về các cơ sở nhằm giúp bà con nông dân về kỹ thuật sản xuất nông lâm nghiệp.

- Kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất nông lâm nghiệp với công nghiệp khai thác, chế biến.

#### b) Giải pháp phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

- Ngoài cơ chế chính sách của Trung ương và của tỉnh, vận dụng sáng tạo khuyến khích thu hút các thành phần kinh tế trong và ngoài huyện đầu tư phát triển, khai thác và chế biến các sản phẩm nông lâm, khoáng sản trên địa bàn huyện.

- Mở mang và phát triển các làng nghề truyền thống, kết hợp với tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường nghiên cứu áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp địa phương, tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

#### c) Giải pháp phát triển dịch vụ:

- Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư để nâng cấp, xây dựng mới hệ thống chợ thương mại trên địa bàn; chú trọng biện pháp đảm bảo các mặt hàng chính sách đối với các xã vùng sâu, vùng xa.

- Tiếp tục xây dựng các loại hình hợp tác xã trong việc tổ chức lại sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, phát triển kinh tế tập trung.

- Vận dụng cơ chế, chính sách của Nhà nước, tạo hành lang pháp lý thông thoáng cho phát triển sản xuất kinh doanh, phát triển dịch vụ tín dụng, ngân hàng, vận tải, bưu chính viễn thông, khoa học công nghệ.

- Khuyến khích phát triển các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công; dịch vụ thương mại nhằm thúc đẩy các ngành hoạt động hiệu quả.

#### d) Giải pháp phát triển các lĩnh vực văn hoá - xã hội:

- Tăng cường công tác tuyên truyền vận động nhân dân, nhất là nhân dân ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thực hiện tốt các chính sách về phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện tốt công tác dân số kế hoạch hoá gia đình, khắc phục tập tục lạc hậu, đẩy lùi mê tín dị đoan.

- Khuyến khích, đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá các lĩnh vực y tế, giáo dục, đào tạo, văn hoá, thể thao và các lĩnh vực hoạt động xã hội khác.

- Vận động nhân dân tích cực sản xuất, thực hành tiết kiệm trong tiêu dùng để tăng đầu tư mở rộng phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng. Tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho người lao động, từng bước cải thiện đời sống dân cư.

- Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ từ cơ sở xã đến huyện. Đồng thời có chính sách hỗ trợ đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn và ưu tiên tiếp nhận con em người địa phương được đào tạo ở các trường đại học, cao đẳng về địa phương công tác, từng bước tiêu chuẩn hoá đội ngũ cán bộ cơ sở.

- Tăng cường và hoàn thiện hệ thống thông tin liên lạc trên địa bàn huyện, nhằm đáp ứng nhu cầu về thông tin kinh tế - xã hội của nhân dân và nhu cầu lãnh đạo, chỉ đạo từ huyện đến cơ sở.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Quy hoạch này là định hướng và là căn cứ để lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn huyện Trấn Yên theo quy định.

Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong Quy hoạch theo quy định.

Các sở, ngành của tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên trong việc thực hiện các mục tiêu quy hoạch thông qua các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn huyện Trấn Yên.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

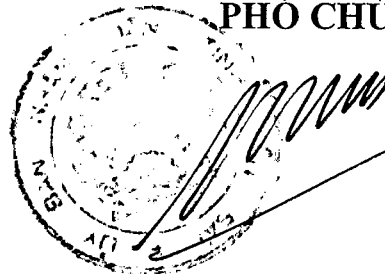
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ;
- TT HĐND tỉnh;
- TT UBND tỉnh;
- HĐND huyện Trấn Yên;
- Như Điều 3;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Yên Bái;
- Lưu HC, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Duy Cường**

